

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính.

Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 01/01/1996; Địa chỉ: Khóm D, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Bà và ông C cưới rồi sống chung từ năm 2012, có một người con chung tên Nguyễn Nhã K, sinh ngày 06/12/2012. Đến ngày 12/03/2014, vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình sống chung không hạnh phúc, thường cự cãi do bất đồng quan điểm và thiếu sự tôn trọng, nhường nhịn nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn nên vợ chồng quyết định sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay không gặp, không trao đổi gì với nhau. Về con chung Nguyễn Nhã K sống với bà từ khi vợ chồng ly thân, dịp tết ông C có xuống thăm con nhưng không cấp dưỡng. Bà không còn tình cảm với ông C, đã khởi kiện yêu cầu ly hôn và đến nay vẫn giữ nguyên yêu

cầu được ly hôn với ông C và nuôi con chung tên Nguyễn Nhã K, các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn tuân thủ nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông C, giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhã K, sinh ngày 06/12/2012. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đến phiên tòa đúng quy định, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự trên đảm bảo quyền lợi cho đương sự còn lại.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông C tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, đến ngày 12/03/2014 làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng qua xác minh bà T và ông C đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Ông C đã được thông báo về việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến đối với vấn đề hôn nhân của mình, không tham gia hòa giải tại tòa đã cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông C có 01 người con chung là Nguyễn Nhã K, sinh ngày 06/12/2012. Xét cháu K do bà T chăm sóc và nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân, cháu K có nguyện vọng sống với mẹ và bà T có yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Nhã K cho bà T trực tiếp nuôi con chung, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Về cấp dưỡng cho con, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhã K, sinh ngày 06/12/2012 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng đến cháu K đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hoàng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008207 ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai